Mẫu số 38-DS

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TINH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12 /2019/QĐST- DS	*Đăk Hà, ngày 19 tháng 4 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLST – DS, ngày 26 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1972 và anh Phan Xuân H, sinh năm 1968 *(anh H ủy quyền cho chị L – Giấy ủy quyền ngày 12/3/2019 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Đăk Hring)*.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn M, xã Đ, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Ông Võ Tá T, sinh năm 1953 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn M, xã Đ, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Võ Tá T và bà Bùi Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Trần Thị L và anh Phan Xuân H số tiền là **430.245.000đ** *(Bốn trăm ba mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* – Trong đó: Số tiền gốc là 350.000.000đ và số tiền lãi suất là 84.245.000đ.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật anh Phan Xuân H và chị Trần Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Võ Tá T và bà Bùi Thị T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T và bà T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 3; Điều 6; điểm đ khoản 1 điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.604.900đ *(bằng chữ: Mười triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng)*, ông Võ Tá T và bà Bùi Thị T thoả thuận nhận nộp số tiền này.

Nhưng do ông Võ Tá T và bà Bùi Thị T là người cao tuổi *(60 tuổi)* được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.604.900đ *(bằng chữ: Mười triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng)*.

Chị Trần Thị L và anh Phan Xuân H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị L và anh Phan Xuân H 10.604.900đ *(bằng chữ: Mười triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: AA/2010/0009548 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự: Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Duy Ngữ